

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST.
Ngày 13-9-2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh K Lít.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt.
2. Ông Đinh Văn Hoát.

Thư ký phiên toà: Ông Đinh Hồng Buôi, Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên toà: Ông Đinh Văn Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Thị T, sinh ngày 20/8/1976 tại huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 11, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Nơi tạm trú: Tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Ch (chết) và bà Nguyễn Thị H.

Chồng: Ông Lê C.

Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/9/2024 đến nay. Có mặt.

Bị hại: Bà Đinh Thị D, sinh năm 1945.

Nơi cư trú: Thôn M, xã Sơn B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Bùi Thị Thuyết Anh - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người phiên dịch: Bà Đinh Thị Huệ - Cán bộ hưu trí thị trấn D. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 13/3/2024, Lê Thị T đi bán cá dạo và đồ ăn vặt. Khi đến đoạn đường thuộc thôn Làng G, xã Sơn B thì gặp bà Đinh Thị D đang ngồi một mình ven đường và gọi T lại để mua bánh gói, T dừng lại và lấy 02 cái bánh bán cho bà D. Sau khi đưa bánh cho bà D thì T nhìn thấy trên cổ bà D có 01 sợi dây chuyền vàng, lúc này T nảy sinh ý định trộm cắp sợi dây chuyền vàng của bà D nên nói với bà D là trên sợi dây chuyền vàng có dính sợi chỉ để T gỡ giúp cho, thấy bà D không nói gì thì T dùng tay gỡ sợi chỉ rồi tháo luôn sợi dây chuyền ra khỏi cổ bà D và cầm trên tay. Lúc này bà D không biết việc T tháo dây chuyền của mình, bà D trả tiền mua bánh xong thì T mang sợi dây chuyền về nhà mẹ đẻ ở tổ dân phố C, thị trấn D cất giấu. Đến chiều cùng ngày thì bà D phát hiện sợi dây chuyền bị mất nên đã nói việc này cho ông Đinh Văn N (con rể) và ông N đến Công an xã Sơn B trình báo sự việc. Ngày 14/3/2024, Công an xã Sơn B mời Lê Thị T đến làm việc thì T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình và giao nộp lại dây chuyền vàng cho Công an xã Sơn B.

Tại bản luận giám định số 764/KL-KTHS, ngày 19/4/2024 của Phân viện khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng trong niêm phong gửi giám định có kim loại vàng (Au); có hàm lượng kim loại vàng là 61,0%; khối lượng mẫu là 4,67 gam.

Tại Bản kết luận định giá số 04/KL-HĐĐGTS, ngày 14/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện S, kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có hàm lượng kim loại vàng là 61,0%; khối lượng mẫu là 4,67 gam tại thời điểm tháng 3/2024 có giá trị 5.580.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 08/CT-VKS-SH, ngày 18/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s

khoản Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Tiết từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Lê Thị Tiết.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại sợi dây chuyền vàng cho bà Đinh Thị D; trả lại cho Lê Thị T 01 xe mô tô loại xe Wave, biển kiểm soát 76V9-5298 và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đinh Văn N biển kiểm soát 76V9-5298; 01 CCCD số 051176019339 cấp ngày 16/9/2021 mang tên Lê Thị T.

Về phân dân sự: Bà Đinh Thị D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên không đề nghị xem xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngay sau khi có tin tố giác tội phạm của công dân, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền điều tra, thời hạn điều tra để điều tra, hỏi cung bị can, lấy lời khai bị hại..., thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa cũng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Vì muốn chiếm đoạt tài sản của người khác, nên vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 13/3/2024, bị cáo Lê Thị T lợi dụng lúc bà Đinh Thị D sơ hở mất cảnh giác đã lén lút trộm cắp 01 sợi dây chuyền vàng của bà D có giá trị 5.580.000 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo Lê Thị T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Với những hành vi phạm tội của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Nay, Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Những lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lê Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà pháp luật bảo vệ nên cần phải xử lý nghiêm.

[5] Bị cáo không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên theo điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội hành vi phạm tội của bị cáo, không cần thiết phải bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng đủ tính răn đe, giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[6] Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy bị cáo làm nông, nhưng bị cáo có thu nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền 5.000.000 đồng đối với bị cáo Lê Thị T là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu nhận là có căn cứ. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về phần dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Lê Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 5 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và xử phạt bị cáo Lê Thị T 24 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ (bị tạm giam từ ngày 05/9/2024 đến ngày 13/9/2024).

Giao bị cáo Lê Thị T cho Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân

dân phường H trong việc giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ kể từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận L, thành phố Đà Nẵng nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ 10% thu nhập để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Lê Thị T.

Xử phạt bổ sung số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) đối với bị cáo Lê Thị T.

Về án phí: Buộc bị cáo Lê Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Công an huyện S;
- Nhà tạm giữ - Công an huyện S;
- CQĐT- Công an huyện S;
- CQTHAHS - Công an huyện S;
- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi ;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đinh K Lít

